

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2023/DS-ST
Ngày 28 - 7 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lý
2. Bà Phạm Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Anh - Thư ký Toà án nhân dân quận L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 627/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV); địa chỉ: Tháp BIDV, số 194 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thọ N - Phó Giám đốc; bà Trần Thị Tuyết N- Trưởng phòng Khách hàng cá nhân; bà Nguyễn Thu H- Phó Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của ông Phan Đức T- Chủ tịch Hội đồng quản trị và văn bản ủy quyền số 2596/QĐ- BIDV.HP ngày 21/10/2022 của ông Tạ Anh T- Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Minh T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51/380 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 64/414 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022; ngày 05/01/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/9/2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã cấp Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 337/1996439/2017/HĐTD cho ông Đặng Minh T; loại thẻ: Hạng vàng BIDV Visa Precious; hạn mức tín dụng đề nghị là 50.000.000đồng; hiệu lực thẻ: Ngày 15/9/2017; đăng ký thanh toán dư nợ tự động, số tài khoản 32110000947249 mở tại BIDV Hải Phòng; số tiền thanh toán tối thiểu là 20% dư nợ cuối kỳ; phương thức thanh toán lãi: Lãi được cộng dồn hàng tháng theo dư nợ của chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng; lãi suất áp dụng từ tháng 9/2017 đến tháng 02/2019 là 16,5%/năm; từ ngày 26/3/2019 đến tháng 5/2021 là 17%/năm; từ 26/6/2021 đến nay là 18%/ năm.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ khi phát hành thẻ là ngày 15/9/2017 đến tháng 04/2018 thì ông T đã sử dụng số tiền vay và thanh toán đủ số tiền tối thiểu, ông T đã trả được số tiền nợ gốc là 17.645.438đồng, nợ lãi là 12.296.142đồng. Kể từ kỳ trả nợ tháng 05/2018, ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như cam kết nên ngày 26/6/2018 Ngân hàng đã thông báo chấm dứt hợp đồng và chấm dứt việc sử dụng thẻ, đến ngày 26/7/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn; tính đến nay ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 92.010.144đồng, trong đó: Nợ gốc là 47.606.090đồng; nợ lãi trong hạn là 41.377.785đồng; lãi quá hạn là 3.026.269đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu ông T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên.

Đối với bị đơn ông Đặng Minh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo Thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định về thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đến ngày mở phiên tòa ông T vẫn vắng mặt. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có bản tự khai thể hiện ý kiến của ông T cũng như không có tài liệu, chứng cứ nào ghi nhận quan điểm của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp; những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51/380 T, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên và cũng không sinh sống tại số 64/414 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng; việc ông T không thông báo về nơi cư trú mới của mình cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 337/1996439/2017/HĐTD ngày 14/9/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông Đặng Minh T là sự thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên giao dịch là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 05/2018 ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến nay ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 92.010.144đồng, trong đó: Nợ gốc là 47.606.090đồng; nợ lãi trong hạn là 41.377.785đồng; lãi quá hạn là 3.026.269đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 116; 117; 119; 280; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91; 94; 95; 98 của Luật các tổ chức tín dụng, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và ông Đặng Minh T mục đích vay để tiêu dùng và bị đơn cư trú tại Quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận L.

Đối với ông Đặng Minh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng tại phiên tòa ông T vẫn vắng mặt. Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện ông Đặng Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51/380 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên và cũng không sinh sống tại số 64/414 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận L, thành phố Hải Phòng, hiện chuyển đi đâu và chuyển từ thời điểm nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Tại Công văn số 11693/QLXNC-P5 ngày 22/5/2023 của Cục xuất nhập cảnh thể hiện ông T đã xuất cảnh ngày 26/3/2011 và nhập cảnh về nước ngày 29/3/2011. Như vậy, việc ông T không thông báo về nơi cư trú mới của mình cho Ngân hàng thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 337/1996439/2017/HĐ ngày 14/9/2017 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và bên vay là ông Đặng Minh T đã có sự thống nhất thỏa thuận với nhau bằng văn bản về loại thẻ sử dụng, hạn mức tín dụng đề nghị, hiệu lực thẻ, lãi suất vay, phương thức trả nợ, quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 116; 117; 119; 463; 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91; 98 Luật các tổ chức tín dụng nên Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là hợp pháp. Theo nội dung của hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình là cấp thẻ cho ông T sử dụng đúng loại thẻ, đủ hạn mức tín dụng như đã thỏa thuận; về phía ông T đã nhận thẻ tín dụng để sử dụng, nhưng đến tháng 05/2018 ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình, tính đến nay ông T còn nợ Ngân hàng số tiền là 92.010.144đồng, trong đó: Nợ gốc là 47.606.090đồng; nợ lãi trong hạn là 41.377.785đồng; lãi quá hạn là 3.026.269đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Như vậy, ông T đã vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đến Tòa án để làm việc và tiến hành hoà giải nhưng ông T đều không có mặt; tại phiên tòa ông T cũng không có mặt để đưa ra quan điểm của mình về yêu cầu của Ngân hàng đối với số nợ trên. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 92.010.144đồng, trong đó: Nợ gốc là 47.606.090đồng; nợ lãi trong hạn là 41.377.785đồng; lãi quá hạn là 3.026.269đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Ông T phải chịu 4.600.507đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước; trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.123.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116; 117; 119; 280; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94; 95; 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Buộc ông Đặng Minh T phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền là 92.010.144đồng, trong đó: Nợ gốc là 47.606.090đồng; nợ lãi trong hạn là 41.377.785đồng; lãi quá hạn là 3.026.269đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ còn phải thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông T phải chịu 4.600.507đồng (bốn triệu, sáu trăm nghìn, năm trăm linh bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.123.000đ (hai triệu, một trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005140 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận L.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thị Thu Hương*****Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Quận L;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS Quận L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương